

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP, SÁP NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sau khi phối hợp với tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trình Chính phủ Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP, SÁP NHẬP TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ TỈNH ĐỒNG NAI

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

5. Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

6. Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

7. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung).

8. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

9. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

10. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ TỈNH ĐỒNG NAI

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hội nhập quốc tế sâu rộng cần thiết phải mở rộng và đảm bảo tính thống nhất về không gian địa lý, sự liên thông các nguồn lực, bố trí và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực phát triển của đất nước. Việc xây dựng nền quản trị nhà nước hiện đại, hiệu lực, hiệu quả với sự tham gia của nhiều chủ thể dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi vai trò, cách thức quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp, khoảng cách không gian giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp không còn nhiều ý nghĩa về địa lý và ranh giới địa giới giữa các đơn vị hành chính.

Do đó, thực hiện đúng chủ trương theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 759/QĐ-TTg

ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, việc sắp xếp đơn vị hành chính giữa tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai với những nét tương đồng về phong tục, tập quán, văn hóa do cùng có chung nguồn gốc lịch sử sẽ đảm bảo tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của đơn vị hành chính cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, phát huy được kết quả, thành tựu đã đạt được về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của 02 tỉnh trong khu vực Đông Nam bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía nam với tốc độ tăng trưởng và quy mô kinh tế nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành của cả nước.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai sẽ mở rộng không gian phát triển của các địa phương, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới; làm cơ sở đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ TỈNH ĐỒNG NAI

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH ĐỒNG NAI VÀ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước cùng có chung nguồn gốc lịch sử, là vùng đất đã được chứng kiến rất nhiều sự thay đổi về địa giới hành chính cũng như tên gọi của mình.

Từ trước khi có dấu chân người Việt thì tại đây đã trải qua nhiều biến cố lịch sử gắn liền với các vương quốc Phù Nam và Chân Lạp. Tới khoảng thế kỷ XVII, do chính sách mở rộng lãnh thổ về phía Nam của chúa Nguyễn, đã bắt đầu có những đợt di dân người Việt tới đây.

Năm 1698 được coi là dấu mốc quan trọng khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh (còn có tên Nguyễn Hữu Kính) được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược xứ Đàng Trong đã thành lập dinh Trấn Biên, tiền thân của tỉnh Biên Hoà sau này. Năm Gia Long thứ 7 (1808), dinh Trấn Biên được đổi thành trấn Biên Hòa, huyện Phước Long thuộc dinh Trấn Biên được nâng lên thành phủ Phước Long, các tổng được nâng lên thành huyện. Trấn Biên Hòa (gồm 1 phủ Phước Long) là một trong 5 trấn dưới thời Gia Long, thuộc Gia Định thành.

Trấn Biên Hoà (1808 - 1832) hay tỉnh Biên Hòa (1832 - 1861) có địa giới hành chính rộng lớn, bao gồm vùng đất các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình

Phước, Bình Dương và một phần của Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, với tổng diện tích lên đến trên 17.000 km².

Biên Hòa thời nhà Nguyễn

Ban đầu tỉnh Biên Hòa có 2 phủ Phước Long và Phước Tuy. Đến năm 1840 đặt thêm 4 phủ: Tân Định, Tân Bình, Tân Lợi, Tân Thuận và nhiều huyện. Theo Hiệp ước Nhâm Tuất năm 1862, Biên Hòa bị cắt nhượng cho Pháp cùng với Gia Định và Định Tường.

Biên Hòa thời Pháp thuộc

Năm 1876, tỉnh Biên Hòa bị Pháp giải thể và biến thành 3 tiểu khu: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Bà Rịa. Theo Nghị định ngày 20 tháng 12 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương, đổi tên tất cả các tiểu khu thành tỉnh. Thời kỳ này, địa giới tỉnh Biên Hòa bao gồm tỉnh Đồng Nai, một phần các tỉnh Bình Phước và Bình Dương hiện tại. Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận: Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên, Núi Bà Rá.

Đồng Nai - Biên Hòa thời Việt Nam Cộng hòa

Ngày 22 tháng 10 năm 1956, Ngô Đình Diệm ra Sắc lệnh 143-NV chia tỉnh Biên Hòa thành 3 tỉnh: Biên Hòa, Long Khánh, Phước Long (có thêm phần đất của tỉnh Thủ Dầu Một). Từ đó, tiền thân của tỉnh Bình Phước và Đồng Nai được tách ra.

• Đối với tỉnh Đồng Nai.

Ngày 23/1/1959, tách một phần đất quận Tân Uyên, cùng phần đất của các tỉnh khác lập tỉnh Phước Thành. Khi đó tỉnh Biên Hòa phía bắc giáp tỉnh Phước Thành, phía Đông giáp tỉnh Long Khánh, phía Đông Nam giáp tỉnh Phước Tuy, phía Tây và Tây nam giáp hai tỉnh Bình Dương và Gia Định.

Năm 1972, tỉnh Biên Hòa có 6 quận là: Quận Đức Tu, Công Thanh, Tân Uyên, Dĩ An, Long Thành và Nhơn Trạch.

Tháng 02/1976, tỉnh Biên Hòa được sáp nhập với Bà Rịa và Long Khánh thành tỉnh Đồng Nai mới, tỉnh lỵ đặt tại thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và 9 huyện: Châu Thành, Duyên Hải, Long Đất, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Xuyên Mộc.

Từ năm 1976 đến nay, tên gọi tỉnh Đồng Nai được giữ nguyên, song có thay đổi nhiều lần địa giới, đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện; đến nay, tỉnh Đồng Nai có 2 thành phố và 9 huyện.

• Đối với tỉnh Bình Phước

Sau khi được tách ra từ tỉnh Biên Hòa, tiền thân tỉnh Bình Phước gồm hai tỉnh Bình Long và Phước Long.

Ngày 30/01/1971, Trung ương cục miền Nam quyết định thành lập phân khu Bình Phước. Cuối năm 1972, phân khu Bình Phước giải thể, tỉnh Bình Phước chính thức được thành lập.

Sau kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, ngày 02/7/1976 tại kỳ họp thứ nhất quốc hội khóa VI, Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra quyết định thành lập tỉnh Sông Bé bao gồm: Thủ Dầu Một, Bình Phước và 03 xã thuộc huyện Thủ Đức (TP. Hồ Chí Minh), chia thành 07 huyện, thị và 01 thị xã. Tháng 02/1978 huyện Bình Long được chia thành 02 huyện: Bình Long và Lộc Ninh. Năm 1988, huyện Phước Long chia thành 02 huyện: Phước Long và Bù Đăng.

Ngày 01/01/1997, tỉnh Bình Phước được tái lập gồm 05 huyện phía Bắc tỉnh Sông Bé là: Đồng Phú, Bình Long, Lộc Ninh, Phước Long và Bù Đăng. Tỉnh lỵ đặt ở thị trấn Đồng Xoài (huyện Đồng Phú).

Ngày 01/9/1999 Chính phủ ban hành Nghị định số 90/1999/NĐ-CP thành lập thị xã Đồng Xoài. Ngày 20/02/2003, Chính phủ Ban hành Nghị định số 17/2003/NĐ-CP thành lập huyện Chơn Thành và Bù Đốp được tách ra từ huyện Bình Long và Lộc Ninh. Ngày 01/05/2003 hai huyện Chơn Thành và Bù Đốp chính thức đi vào hoạt động. Tỉnh Bình Phước có 08 huyện, thị, 94 xã phường và thị trấn.

Từ năm 1999 đến nay, địa giới cấp tỉnh được ổn định, song có thay đổi nhiều lần về địa giới hành chính cấp xã, cấp huyện; hiện nay tỉnh Bình Phước có 11 đơn vị hành chính, bao gồm 01 thành phố, 3 thị xã và 07 huyện: Thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long, thị xã Chơn Thành và các huyện Đồng Phú, Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Bù Đăng.

II. HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

A. TỈNH ĐỒNG NAI

1. Vị trí địa lý

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Nam bộ, có tọa độ từ $10^{\circ}30'03\text{B}$ đến $11^{\circ}34'57\text{B}$ và từ $106^{\circ}45'30\text{Đ}$ đến $107^{\circ}35'00\text{Đ}$, có vị trí địa lý: Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng; Phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước.

Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Biên Hòa, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 30 km, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 1.684 km theo đường Quốc lộ 1. Đây là thành phố trực thuộc tỉnh có dân số đông nhất cả nước, với quy mô dân số tương đương với 2 thành phố trực thuộc trung ương là Đà Nẵng và Cần Thơ.

Tỉnh Đồng Nai có địa hình vùng đồng bằng và trung du với những núi sót rải rác, có xu hướng thấp dần theo hướng Bắc Nam, với địa hình tương đối bằng phẳng. Địa hình có thể chia làm các dạng là địa hình đồng bằng, địa hình trũng trên trầm tích đầm lầy biển, địa đồi lượn sóng, dạng địa hình núi thấp, đất phù sa, đất gley và đất cát có địa hình bằng phẳng, nhiều nơi trũng ngập nước quanh năm. Khí hậu Đồng Nai là khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa tương phản nhau là mùa khô và mùa mưa. Đồng Nai hiện là tỉnh giữ được tỷ lệ rừng tự nhiên và rừng trồng cao nhất vùng Đông Nam Bộ với tổng diện tích rừng đạt 177.940 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 28,3%

2. Diện tích, quy mô dân số, số đơn vị hành chính trực thuộc

Tỉnh Đồng Nai có diện tích tự nhiên 5.863,62 km²; quy mô dân số 3.256.999 người; số đơn vị hành chính trực thuộc gồm 11 đơn vị hành chính cấp huyện (02 thành phố, 09 huyện); 159 đơn vị hành chính cấp xã (33 phường, 9 thị trấn, 117 xã).

3. Chức năng, vai trò

Đồng Nai là vùng đất có vị trí địa lý chiến lược, nằm ở cửa ngõ phía Đông Nam của đất nước. Từ xa xưa, Đồng Nai đã là nơi giao thoa văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau, trong đó có người Việt. Từ đầu thế kỷ 17, Nguyễn Hữu Cảnh đã dẫn đầu đoàn quân của chúa Nguyễn vào khai phá vùng đất Đồng Nai. Sự kiện này đánh dấu sự mở rộng lãnh thổ của Đại Việt về phía Nam. Đồng Nai trở thành một trong những vùng đất quan trọng trong quá trình mở cõi của dân tộc Việt Nam.

Lịch sử của Đồng Nai gắn liền với lịch sử của vùng đất Nam Bộ. Do đó, vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai cũng lưu dấu một thời kì cách mạng hào hùng, nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước. Từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19, Đồng Nai là nơi diễn ra nhiều trận đánh quan trọng trong cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chăm Pa, góp phần giải phóng vùng đất Đồng Nai khỏi ách thống trị của Chăm Pa. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đồng Nai là một trong những tỉnh trọng điểm của miền Nam. Sau khi chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Biên Hòa ra đời lấy tên gọi là chi bộ Bình Phước - Tân Triều do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, đã khởi đầu một giai đoạn các phong trào cách mạng đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong kháng chiến chống Thực dân Pháp (1946-1954) và Đế quốc Mỹ (1954-1975), dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Hồ Chủ tịch, Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương Cục, Khu ủy miền Đông, Đảng bộ và quân dân tỉnh Đồng Nai đã xây dựng truyền thống đoàn kết, kiên cường, lập nên nhiều chiến công chói lọi, kết thúc với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập tự do, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngoài ra, Đồng Nai có nhiều di tích lịch sử, văn hóa quan trọng, phản ánh quá trình hình thành và phát triển của vùng đất này với những di tích lịch sử, văn hóa

tiêu biểu như: Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Biên Hòa - Gia Định; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Cù lao Phố; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Núi Chứa Chan; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Vườn quốc gia Cát Tiên;... những di tích này là những minh chứng sinh động về giá trị lịch sử, văn hóa của Đồng Nai.

Sau khi thống nhất đất nước 1975, Đồng Nai bắt tay vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được những thành tựu quan trọng trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước về phát triển kinh tế với nguồn thu GDP đứng top đầu cả nước. Do đó, những thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nguồn lao động nói trên, Đồng Nai có tiềm năng, lợi thế rất lớn để phát triển kinh tế của vùng, góp phần vào phát triển chung trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2021-2025 trong bối cảnh đất nước và địa bàn tỉnh có những thuận lợi: Kinh tế duy trì được tốc độ phát triển; văn hóa, xã hội, con người có nhiều mặt tiến bộ; quốc phòng, an ninh được giữ vững; quan hệ đối ngoại được nâng tầm, đạt kết quả nổi bật, cụ thể:

- Về các lĩnh vực kinh tế:

Kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2024 đạt 5,74%. Quy mô GRDP theo giá hiện hành năm 2024 đạt trên 501 nghìn tỷ đồng, gấp hơn 1,4 lần so với năm 2021, nằm trong nhóm các địa phương có quy mô kinh tế lớn nhất cả nước. GRDP bình quân đầu người đến năm 2024 đạt 148,94 triệu đồng/người, gấp hơn 1,3 lần năm 2021. Cơ cấu các ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản, tỷ trọng GRDP ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 58,41% năm 2021 lên 58,55 năm 2024; dịch vụ tăng từ 22,58% lên 24,82% năm 2024; nông nghiệp giảm từ 10,81% năm 2021 xuống còn 9,38% năm 2024.

Sản xuất công nghiệp phát triển và tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, là động lực cho tăng trưởng kinh tế, chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2024 tăng 8,15%. Lĩnh vực thương mại¹, dịch vụ, du lịch và dịch vụ giao thông vận tải logistics tiếp tục phát triển, mở rộng về quy mô, đa dạng về hình thức, nâng cao về chất lượng. Sản

¹ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 đạt 298,5 nghìn tỷ đồng, tăng 13,04 nghìn tỷ so với năm 2023; giai đoạn 2021-2024 đạt 986 nghìn tỷ đồng. Hoạt động ngoại thương đạt mức tăng trưởng khá, giai đoạn 2021-2024 tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 92 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 70,6 tỷ USD, xuất siêu đạt trên 21 tỷ USD. Tăng trưởng ngành dịch vụ trong GRDP đạt khoảng 24,78%.

xuất nông nghiệp duy trì được sự phát triển ổn định². Đồng Nai là tỉnh đứng đầu cả nước về số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đứng thứ 2 về số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao³. Mạng lưới hệ thống các tổ chức tín dụng tiếp tục được mở rộng và phát triển với chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt.

Công tác điều hành ngân sách được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, đạt kết quả tốt⁴. Chủ động cân đối ngân sách, phân bổ hợp lý, đảm bảo thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công được tăng cường, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công⁵. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, cạnh tranh minh bạch, bình đẳng, tạo điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển, nhất là kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài⁶. Công tác lập quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch kiến trúc đạt được kết quả tích cực; các hoạt động điều phối vùng.

- Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội đạt được những kết quả quan trọng:

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tăng về số lượng và từng bước cải thiện về chất lượng; các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng đa dạng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy.

Giáo dục và đào tạo có chuyển biến tích cực, chất lượng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện hiệu quả việc đổi mới phương pháp và hình thức dạy học; thực hiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế; duy trì thực hiện chương trình song ngữ. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả khá, thực hiện nhiều chính sách để thu hút, hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế⁷; tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại vào điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

² Tăng trưởng GRDP của khu vực nông, lâm, thủy sản tăng bình quân trên 3,5%/năm; cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành hàng, sản phẩm có giá trị kinh tế cao

³ Lũy kế đến ngày 31/12/2024, toàn tỉnh có Đồng Nai có 106/116 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 33/116 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, 67 khu dân cư kiểu mẫu, 03 huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao.

⁴ Năm 2024, tổng thu ngân sách nhà nước trên 62.052 tỷ đồng, đạt 112% dự toán Bộ Tài chính giao, 110% dự toán Hội đồng Nhân dân tỉnh giao, tăng 7% so với cùng kỳ; tổng chi cân đối ngân sách địa phương trên 27.001,4 tỷ đồng, đạt 94% so với dự toán đầu năm, 81% so với điều chỉnh lần 1 và 81% so với điều chỉnh lần 2, tăng 11% so với cùng kỳ. Giai đoạn 2021-2024, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 252.109 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương đạt khoảng 119.493 tỷ đồng.

⁵ Năm 2024, kết quả tỷ lệ giải ngân nguồn vốn đầu tư công đạt 75,76%. Giai đoạn 2021-2024, tổng vốn đầu tư phát triển đạt trên 427 ngàn tỷ đồng, chiếm 24,4% GRDP

⁶ Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có trên 58.500 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký trên 568 nghìn tỷ đồng; 1.124 dự án trong nước với tổng số vốn gần 474 nghìn tỷ đồng; 1.714 dự án FDI với số vốn đăng ký 36,09 tỷ USD.

⁷ Đến năm 2024, có 9,5 bác sỹ trên 1 vạn dân; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi theo cân nặng giảm $\leq 6\%$, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo chiều cao $\leq 16\%$; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm nhanh so với năm 2020 và thấp hơn mức trung bình cả nước. Thực hiện tốt chính sách về dân số. Cơ cấu dân số chuyển biến tích cực, dân số trong độ tuổi lao động tăng, tuổi thọ trung bình đạt 76,5 tuổi

An sinh xã hội được bảo đảm; hoạt động chăm lo các đối tượng là người có công, bảo trợ xã hội được quan tâm; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ hỗ trợ cho người dân, công nhân và người lao động theo quy định.

- Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Hoạt động khoa học, công nghệ có chuyển biến tích cực và đang trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo chiều sâu. Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ với gắn kết chuyển đổi số với công tác cải cách hành chính, khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư; đã hình thành một số cơ sở dữ liệu đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống. Cơ sở hạ tầng viễn thông được xây dựng, đầu tư khá đồng bộ, hiện đại. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai được quan tâm thực hiện và phát huy hiệu quả tích cực

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh “tinh, gọn, mạnh”, vững mạnh về chính trị, chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu ngày càng cao, phát huy tốt vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Hệ thống công trình quốc phòng từng bước hoàn thiện; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh trong các dự án, đề án mang tính lưỡng dụng được chú trọng; thể trận “quốc phòng toàn dân”, thể trận “an ninh nhân dân” được gắn kết chặt chẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới.

- Công tác thông tin đối ngoại của tỉnh phát triển với nhiều hoạt động nổi bật. Công tác đối ngoại nhân dân ngày càng phát huy hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tế tại địa phương. Đặc biệt với việc tập trung đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo mối quan hệ hợp tác hữu nghị, hợp tác kinh tế giữa tỉnh Đồng Nai với các địa phương nước ngoài, nhất là các đối tác thuộc các nước bạn Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Nhật Bản... ngày càng được thắt chặt và đạt hiệu quả thiết thực.

5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

Hiện nay, HĐND tỉnh Đồng Nai đã thông qua nhiều chế độ chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh như: Định mức phân bổ chi thường xuyên giai đoạn 2022-2025; Hỗ trợ đối với người thực thi nhiệm vụ kiểm lâm thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; Chế độ thai sản và chính sách thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; Trợ cấp đối với Trưởng các đoàn thể ở ấp (khu phố) và kinh phí hoạt động cho Tổ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Chế độ hỗ trợ đối với viên chức tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2027; Chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; Mức hỗ trợ công trình phúc lợi cho xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xã đạt chuẩn

nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; chế độ hỗ trợ kinh phí đối với những người tham gia trực tiếp công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự; quy định mức chi cho cộng tác viên dân số; chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng điện phục vụ sinh hoạt, các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025; chế độ hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội; quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025; quy định mức hỗ trợ lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2027; quy định mức hỗ trợ chi phí hỏa táng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2024-2026; quy định về mức hỗ trợ cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; quy định về tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; trang phục, phương tiện, thiết bị đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; quy định chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

6.1. Tỉnh ủy

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đầu nhiệm kỳ được phê duyệt 54 đồng chí; đến tháng 4/2025 có 47 đồng chí;

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đầu nhiệm kỳ được phê duyệt có 16 đồng chí, đến tháng 4/2025 có 14 đồng chí.

- Thường trực Tỉnh ủy có 03 đồng chí, gồm: Bí thư Tỉnh ủy - Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Báo Đồng Nai, Trường Chính trị tỉnh. Tổng số biên chế hiện có: 261, trong đó: 201 công chức, 60 viên chức.

- Tính đến tháng 4/2025, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai có 16 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (9 đảng bộ huyện, 02 đảng bộ thành phố và 05 đảng bộ tương đương); 890 tổ chức cơ sở đảng (trong đó: 589 chi bộ cơ sở và 301 đảng bộ cơ sở với 11 đảng bộ bộ phận và 2.808 chi bộ trực thuộc), tổng số 90.197 đảng viên.

- Biên chế chuyên trách công tác đảng ở Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh: Tổng số 29 chỉ tiêu, trong đó: 29 công chức; 05 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/NĐ-CP.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy: Tổng số 60 chỉ tiêu, trong đó: 60 viên chức; 6 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/NĐ-CP.

6.2. Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội gồm có các cơ quan: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh tỉnh.

Cơ quan Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Tổng số 127 chỉ tiêu, trong đó: 127 công chức; 20 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/NĐ-CP.

6.3. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

* Hội đồng nhân dân tỉnh có 69 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên gồm 03 Trưởng ban của HĐND tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh có 03 ban: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế, Ban Văn hóa - Xã hội.

- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh: Có 25 công chức và 10 người lao động.

* Ủy ban nhân dân tỉnh gồm có 15 sở, ngành, cụ thể: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học; tính đến tháng 4/2025: Số lượng công chức 1.302 người, viên chức 8.311 người, hợp đồng lao động 1.023 người.

B. TỈNH BÌNH PHƯỚC

1. Vị trí địa lý: Bình Phước là tỉnh ở khu vực miền Đông Nam Bộ, ở tọa độ địa lý từ 11°07' đến 12°19' độ vĩ Bắc, 106°24' đến 107°25' độ kinh Đông; phía Đông giáp 3 tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng và Đồng Nai; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia; phía Bắc giáp tỉnh Krachê và Mundukini (Campuchia), phía Nam giáp tỉnh Bình Dương.

2. Diện tích, quy mô dân số, số đơn vị hành chính trực thuộc

- Diện tích tự nhiên (km²): 6.873,56 km².

- Quy mô dân số (người): 1.234.409 người

- Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện: 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 07 huyện (*Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Hớn Quản,*

Phú Riềng), 03 thị xã (*Bình Long, Phước Long, Chơn Thành*), 01 thành phố (*Đồng Xoài*).

- Số lượng đơn vị hành chính cấp xã: 111 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 86 xã, 20 phường, 05 thị trấn.

3. Chức năng, vai trò

Bình Phước có vị trí địa lý chiến lược, giữ vai trò quan trọng trong hành lang kinh tế mới, là một trong sáu tỉnh của vùng Đông Nam Bộ, là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long với Tây Nguyên và quốc tế, đặc biệt với Campuchia, Thái Lan. Hệ thống giao thông của Bình Phước (quốc lộ 14, quốc lộ 13, đường Hồ Chí Minh...) là một phần của mạng lưới giao thông liên vùng quan trọng của quốc gia. Với các tuyến đường chính như quốc lộ 13 từ cầu Tham Rót đi từ phía Nam lên phía Bắc qua trung tâm thị xã Chơn Thành, thị xã Bình Long đến Cửa khẩu quốc tế Hoa Lư với tổng chiều dài là 79,90km. Quốc lộ 14 nối các tỉnh Tây Nguyên qua Bình Phước về Thành phố Hồ Chí Minh với 112,70km. Trung tâm tỉnh lỵ Bình Phước cách sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay quốc tế Long Thành và các cảng như Đồng Nai, Sài Gòn, Thị Vải khoảng 100km.

Ngoài ra, tỉnh có trên 258,9 km đường biên, 3 huyện biên giới tiếp giáp với 3 tỉnh của Vương quốc Campuchia gồm Tbong Khmum, Kratie, Monduliri; với 4 cửa khẩu và 1 lối mở. Trong đó, Cửa khẩu quốc tế Hoa Lư có điều kiện giao thông thuận lợi đưa tỉnh trở thành địa phương quan trọng, giữ vai trò kết nối các tuyến du lịch quốc tế với các nước láng giềng, có tiềm năng và điều kiện thuận lợi để trở thành đầu mối giao thương, phát triển thương mại, du lịch và xuất khẩu...

Đặc điểm địa hình đa phần là bằng phẳng, khí hậu ổn định của tỉnh Bình Phước thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nhất là các loại cây trồng lâu năm và rừng. Dân số Bình Phước hiện tại là dân số vàng, là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Đây có thể coi là lợi thế so sánh của Bình Phước so với các địa phương khác cũng như bình diện chung của cả nước khi cơ cấu dân số trẻ hơn.

Với những ưu điểm nêu trên cùng với vị trí địa lý chiến lược, giữ vai trò quan trọng trong hành lang kinh tế mới, là 01 trong 8 tỉnh của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các vùng, khu vực; nhìn về tương lai, Bình Phước có điều kiện thuận lợi ngày càng gia tăng cho sự phát triển của tỉnh, góp phần vào sự thịnh vượng chung của vùng.

4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2021-2025, tỉnh Bình Phước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức. Với quyết tâm cao trong chỉ đạo và điều hành; căn cứ vào các Kết luận, Nghị quyết

của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và tinh thần “*Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững*”, ngay từ đầu năm, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 với 12 nhóm giải pháp trọng tâm và 98 nhiệm vụ với kết quả cụ thể như sau:

- Về các lĩnh vực kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 là 115.357,408 tỷ đồng, tăng 9,32% so với năm 2023, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch đề ra là 8-8,5%). Trong đó ngành nông lâm thủy sản tăng 5,19%, ngành công nghiệp xây dựng tăng 15,19% (trong đó: công nghiệp tăng 15,99%), dịch vụ tăng 7,82%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,22%. GRDP bình quân đầu người đạt 108,4 triệu đồng, tăng 13,4% so với năm 2023.

Cơ cấu kinh tế đến hết năm 2024 chuyển dịch tích cực, đúng hướng, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng đã dịch chuyển tăng, chiếm tỷ trọng 45,96% (năm 2023 là 43,86%, kế hoạch đề ra là 41,32%), ngành Nông lâm nghiệp và thủy sản có sự chuyển dịch giảm, chiếm 22,98% (năm 2023 là 24,09%, kế hoạch đề ra là 23,4%), dịch vụ chiếm 31,06% (Kế hoạch đề ra 32,83%).

Công tác điều hành ngân sách luôn được tỉnh thực hiện chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; khai thác tối đa các nguồn thu ngân sách nhà nước; tăng cường công tác kiểm soát chi, tiết kiệm chi theo quy định. Mặc dù vậy, công tác thu ngân sách nhà nước năm 2024 của tỉnh gặp nhiều khó khăn; thực hiện năm 2024 là 11.519 tỷ đồng, bằng 94,47% so với năm 2023 và đạt 90,42% kế hoạch năm. Tổng chi ngân sách nhà nước thực hiện năm 2024 là 14.153 tỷ đồng, tăng 0,6% so với năm 2023 và đạt 100% kế hoạch.

Hoạt động thương mại dịch vụ tăng mạnh, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2024 đạt 83.567 tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu năm 2024 đạt 04 tỷ 600 triệu USD, tăng 10,05% so với năm 2023, đạt 100,88% kế hoạch năm. Kim ngạch nhập khẩu đạt 02 tỷ 900 triệu USD, tăng 11,5% so với năm 2023.

Trên địa bàn tỉnh có 12/13 khu công nghiệp đã thu hút đầu tư, thu hút được 399 dự án thứ cấp, trong đó có 101 dự án trong nước và 298 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký là 18.100 tỷ đồng và 3.654 triệu USD, tổng diện tích đất cho thuê là 1.436,68 ha. Đối với hạ tầng cụm công nghiệp, tỉnh đã thành lập 09 cụm công nghiệp, trong đó 01 cụm công nghiệp đi vào hoạt động, 06 cụm công nghiệp đang đầu tư xây dựng hạ tầng và 02 cụm công nghiệp đang hoàn tất thủ tục đầu tư.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục phát triển và duy trì tốc độ tăng trưởng cao, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp toàn tỉnh (IIP) tăng 17,49% so với năm 2023 (trong đó ngành công nghiệp chế biến tăng 16,81%); sản xuất nông nghiệp phát

triển ổn định, diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 23.916 ha, giảm 3,18% (giảm 787 ha) so với năm 2023, đạt 98,6% kế hoạch năm. Công tác lập Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch kiến trúc đạt được kết quả tích cực; các hoạt động điều phối vùng.

Về xây dựng nông thôn mới: Lũy kế đến hết năm số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 73 xã, đạt tỷ lệ 84,88%; xã nông thôn mới nâng cao đạt 23 xã; 03 đơn vị cấp huyện⁸ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 02 đơn vị⁹ đạt chuẩn nông thôn mới đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương thẩm định công nhận.

- Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội đạt được những kết quả quan trọng:

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tăng về số lượng và từng bước cải thiện về chất lượng; các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng đa dạng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Chất lượng Cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt” được nâng cao, được triển khai đến mọi tầng lớp nhân dân, cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong toàn tỉnh.

Giáo dục và đào tạo có chuyển biến tích cực, chất lượng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện hiệu quả việc đổi mới phương pháp và hình thức dạy học; thực hiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế; duy trì thực hiện chương trình song ngữ. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân đạt kết quả khá, thực hiện nhiều chính sách để thu hút, hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế¹⁰; tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại vào điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

An sinh xã hội được bảo đảm; hoạt động chăm lo các đối tượng là người có công, bảo trợ xã hội được quan tâm; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ hỗ trợ cho người dân, công nhân và người lao động theo quy định. Công tác giảm nghèo thực hiện năm 2024 giảm 500 hộ nghèo, đạt 100% kế hoạch (tương ứng với giảm 0,18% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, trong đó giảm 230 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số).

Công tác mạng lưới y tế, biên chế, đào tạo cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiếp tục thực hiện theo quy định; cơ bản đã đảm bảo đầy đủ thuốc và vật tư y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh. Các cơ sở khám chữa bệnh đảm bảo tốt việc trực và điều trị bệnh; duy trì công tác thu dung và điều trị kịp

⁸ thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long và thị xã Bình Long

⁹ thị xã Chơn Thành và huyện Đồng Phú

¹⁰ Đến năm 2024, có 9,5 bác sỹ trên 1 vạn dân; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi theo cân nặng giảm $\leq 6\%$, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo chiều cao $\leq 16\%$; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm nhanh so với năm 2020 và thấp hơn mức trung bình cả nước. Thực hiện tốt chính sách về dân số. Cơ cấu dân số chuyển biến tích cực, dân số trong độ tuổi lao động tăng, tuổi thọ trung bình đạt 76,5 tuổi

thời; công suất sử dụng giường bệnh trung bình đạt 53%. Số giường bệnh/vạn dân đạt 28,6 giường (đạt kế hoạch đề ra); số bác sỹ/vạn dân 9,7 bác sỹ (vượt kế hoạch đề ra, kế hoạch đề ra là 8,6 bác sỹ); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt dưới 10% (đạt kế hoạch đề ra); tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (đạt kế hoạch đề ra).

- Hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hoạt động khoa học công nghệ có chuyển biến tích cực và đang trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo chiều sâu; trong năm 2024, đã thực hiện nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh 12 đề tài chuyển tiếp, triển khai 05 đề tài trong danh mục năm 2023 và triển khai 03 đề tài mới trong danh mục kế hoạch năm 2024. Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ với gắn kết chuyển đổi số với công tác cải cách hành chính, khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư; đã hình thành một số cơ sở dữ liệu đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống. Cơ sở hạ tầng viễn thông được xây dựng, đầu tư khá đồng bộ, hiện đại. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai được quan tâm thực hiện và phát huy hiệu quả tích cực, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ.

Chú trọng đào tạo nhân lực các ngành, lĩnh vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ mới,... có tiềm năng, lợi thế, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội: Tiếp tục củng cố, tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ vững chắc. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là các dịp lễ tết; đảm bảo an ninh Đại hội đảng bộ các cấp; tăng cường phòng chống các loại tội phạm; bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế xã hội trên từng địa bàn và tuyến biên giới.

- Công tác thông tin đối ngoại, hội nhập quốc tế được triển khai đồng bộ; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, góp phần thiết thực vào quảng bá mạnh mẽ hình ảnh và tiềm năng, thế mạnh của Bình Phước để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội của địa phương; từng bước nâng cao tầm vóc và vị thế của tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước.

5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

Hiện nay, HĐND tỉnh Bình Phước đã thông qua các chế độ nhằm thu hút nguồn nhân lực theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 quy định chính

sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND quy định chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo của Trung ương¹¹, của Tỉnh ủy¹² và nhằm hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển được ổn định cuộc sống, yên tâm công tác và cống hiến, tỉnh còn ban hành Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Theo đó, hiện nay các chính sách đặc thù trên của tỉnh vẫn đang còn tiếp tục duy trì và thực hiện.

6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

6.1. Tỉnh ủy

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đầu nhiệm kỳ được phê duyệt 53 đồng chí; đến tháng 4/2025 có 41 đồng chí;

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đầu nhiệm kỳ được phê duyệt có 15 đồng chí, đến tháng 4/2025 có 12 đồng chí.

- Thường trực Tỉnh ủy có 3 đồng chí, gồm: Bí thư Tỉnh ủy, 2 Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh. Tổng số biên chế hiện có: 235, trong đó: 173 công chức, 33 viên chức; 29 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

- Tính đến ngày 01/4/2025, Đảng bộ tỉnh Bình Phước có 16 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (07 đảng bộ huyện, 03 đảng bộ thị xã, 01 đảng bộ thành phố và 05 đảng bộ tương đương); 657 tổ chức cơ sở đảng (trong đó: 452 chi bộ cơ sở và 205 đảng bộ cơ sở với 29 đảng bộ bộ phận và 2.048 chi bộ trực thuộc), tổng số 40.503 đảng viên.

- Biên chế chuyên trách công tác đảng ở Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh: Tổng số 30 chỉ tiêu, trong đó: 26 công chức; 4 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

6.2. Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

¹¹ Quy định số 65-QĐ/TW ngày 28/4/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về luân chuyển cán bộ;

¹² Quy định số 644-QĐ/TU ngày 18/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về luân chuyển cán bộ và Đề án 05-ĐA/TU ngày 12/7/2022 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030

- Gồm có các cơ quan: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh tỉnh.

- Tổng số biên chế hiện có 165 chỉ tiêu, trong đó: 124 công chức; 11 viên chức; 32 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

* Tổng số chỉ tiêu, biên chế khối Đảng, đoàn thể tỉnh (tính đến tháng 4/2025): Có mặt 400 người, trong đó: 297 công chức, 44 viên chức; 59 hợp đồng lao động theo Nghị định 111 của Chính phủ, chia ra:

- Cơ quan Đảng chuyên trách (gồm các cơ quan, ban Đảng tỉnh; Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh, Trường Chính trị tỉnh): Tổng số 235 chỉ tiêu, trong đó: 173 công chức; 33 viên chức; 29 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

- Cơ quan MTTQ, các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh: Tổng số 165 chỉ tiêu, trong đó: 124 công chức; 11 viên chức; 32 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

6.3. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

* Hội đồng nhân dân tỉnh có 56 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên gồm 03 Trưởng ban của HĐND tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh có 04 ban: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Dân tộc.

- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh: Có 30 công chức và 11 người lao động.

* Ủy ban nhân dân tỉnh gồm có 15 sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ và Ban Quản lý Khu kinh tế với tổng cộng là 952 biên chế, viên chức 4.331 biên chế (*gồm 3.765 biên chế hưởng lương từ NSNN, 566 biên chế hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSNCL*) trong đó hiện có: công chức 899 người (*tính cả biên chế của Chi cục QLTT, Ban Tổ chức Trung ương chưa giao về cho tỉnh*), viên chức 3.979 người, hợp đồng lao động 549 người. Không bao gồm Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ TỈNH ĐỒNG NAI

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ TỈNH ĐỒNG NAI

1. Phương án

Sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính. Tên gọi sau sắp xếp, sáp nhập là tỉnh Đồng Nai.

Lý do lựa chọn tên tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp có 3 yếu tố:

(1) Yếu tố truyền thống, lịch sử, văn hóa

Đồng Nai là một trong những địa danh lâu đời nhất của Nam Bộ, có lịch sử hơn 325 năm hình thành và phát triển, gắn liền với quá trình khai phá và định hình vùng đất phương Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử, Đồng Nai là trung tâm kinh tế - hành chính quan trọng, đóng vai trò then chốt trong sự phát triển của Nam Bộ. Đồng thời, sự đa dạng về dân tộc, tôn giáo đã tạo nên một bức tranh văn hóa phong phú và đặc sắc cho tỉnh Đồng Nai.

Việc lựa chọn tên Đồng Nai cho tỉnh mới không chỉ bảo tồn giá trị truyền thống, mà còn thể hiện sự kế thừa và phát huy bản sắc vùng đất năng động, giàu tiềm năng của tỉnh.

(2) Có tính thương hiệu cao, gắn liền với các khu công nghiệp lớn

Đồng Nai từ lâu đã là một địa danh có tính nhận diện cao, gắn liền với hình ảnh của một tỉnh công nghiệp phát triển sôi động bậc nhất cả nước, đóng vai trò quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Từ thập niên 1960 đã hình thành thành Khu Kỹ nghệ Biên Hòa (sau đổi tên là Khu công nghiệp Biên Hòa 1), đây được coi là khu công nghiệp đầu tiên của Việt Nam; sau năm 1975 đến nay tỉnh Đồng Nai có sự phát triển mạnh các khu công nghiệp đã có thu hút nhiều doanh nghiệp ở 45 quốc gia và vùng lãnh thổ. Thương hiệu “Đồng Nai” không chỉ nổi bật trong lĩnh vực công nghiệp mà còn có vị trí quan trọng trong quy hoạch đô thị, logistics, phát triển hạ tầng và khả năng kết nối vùng sân bay Biên Hòa, sân bay Quốc tế Long Thành; Văn miếu Trấn Biên gắn liền với địa danh của tỉnh Đồng Nai.

Việc lựa chọn tên gọi “Đồng Nai” cho tỉnh mới sẽ góp phần tận dụng tối đa thương hiệu đã được xây dựng vững chắc, tiếp tục thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế mạnh mẽ và bền vững trong giai đoạn mới.

(3) Bảo đảm nguyên tắc sử dụng một trong các tên đã có, dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ: Việc lựa chọn tên tỉnh mới là “Đồng Nai” - một trong hai tên gọi đã tồn tại trước khi sáp nhập - có thể được xem là giải pháp phù hợp nhằm hạn chế tối đa các tác động phát sinh đối với người dân và doanh nghiệp, đặc biệt trong việc chuyển đổi giấy tờ, cập nhật thông tin địa lý và các thủ tục hành chính liên quan.

2. Kết quả

- Đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai mới sau sắp xếp, sáp nhập có: Diện tích tự nhiên 12.737,18 km² (đạt 255 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 4.491.408 người (đạt 321 % so với tiêu chuẩn).

- Số lượng đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập tỉnh là 95 đơn vị.

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Lâm Đồng, Đắk Nông, Tây Ninh, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh.

- Trung tâm hành chính - chính trị của đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai mới:

+ Đặt tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hiện nay (sau sắp xếp là phường Trảng Biên (mới), tỉnh Đồng Nai).

+ Tuy nhiên, để thuận lợi trong giai đoạn đầu sáp nhập 02 tỉnh, sẽ bố trí một số cơ quan có trụ sở chính tại Đồng Nai và chi nhánh tại Bình Phước để thuận lợi việc tiếp công dân, giải quyết thủ tục hành chính và một số lĩnh vực đặc thù.

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH: *Không có*

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập tỉnh Bình Phước với tỉnh Đồng Nai sẽ tạo thế và lực mới trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; là điều kiện để tạo sự thay đổi về cơ cấu sản xuất; cơ cấu ngành nghề; tổ chức sinh hoạt xã hội; tổ chức không gian kiến trúc xây dựng; thu hút nguồn lực đầu tư; phát triển

thương mại, du lịch, dịch vụ. Tỉnh Đồng Nai mới sẽ nằm ở vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ, là cửa ngõ vào vùng Nam Bộ. Đồng Nai cùng với các tỉnh khu vực Đông Nam bộ tạo thành chuỗi liên hoàn, có vai trò là trọng tâm, nòng cốt phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và vùng Nam bộ Việt Nam, đồng thời tạo liên kết phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ và cung ứng, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn trên toàn quốc và thế giới.

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

a) Thực hiện hiệu quả chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính; giải quyết, phục vụ, chăm lo an sinh xã hội cho người dân.

b) Tinh gọn tổ chức bộ máy, đảm bảo quy mô quản lý phù hợp; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói chung, người hoạt động không chuyên trách cấp xã nói riêng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, hiệu năng hoạt động của bộ máy hành chính cấp tỉnh, cấp xã; góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương;

c) Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức dôi dư, tạo điều kiện để cơ cấu lại và lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức có đủ trình độ, năng lực, tâm huyết đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn của vị trí việc làm. Qua đó nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

d) Góp phần thực hiện công tác cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống cán bộ, công chức, viên chức.

1.2. Một số khó khăn ban đầu

a) Quy mô dân số, diện tích lớn hơn với hệ thống hạ tầng giao thông liên kết còn hạn chế nên công tác quản lý nhà nước thời gian đầu của bộ máy hành chính sẽ gặp khó khăn, đòi hỏi yêu cầu về ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý.

b) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sáp nhập sẽ dôi dư nhiều; việc phân công, bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư sẽ có những khó khăn.

2. Tác động kinh tế xã hội

2.1. Tác động tích cực

a) Mở rộng không gian phát triển, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực của tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước; là thời cơ, động lực để bứt phá, vươn mình trong phát triển kinh tế - xã hội của kỷ nguyên mới.

b) Có điều kiện về tài nguyên thiên nhiên để mở rộng không gian, phạm vi quy hoạch, tăng cường thu hút đầu tư, kiến thiết, xây dựng các công trình, dự án, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội mang tầm cỡ trong khu vực; góp phần tăng thu ngân sách.

c) Tạo tiền đề thuận lợi để tỉnh Đồng Nai mới thực hiện vai trò là cửa ngõ, trung tâm kinh tế, văn hóa lớn của vùng, có vị trí, vai trò chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia, đồng thời cũng là điều kiện để trở thành trung tâm tiếp vận, cung ứng, trung chuyển, sản xuất hàng hóa của Việt Nam và thế giới thông qua hệ thống cảng biển và cảng sân bay quốc tế Long Thành.

d) Là điều kiện tốt để thu hút vốn đầu tư, mở rộng địa phát triển ra các ngành, lĩnh vực có tính cạnh tranh cao.

đ) Sáp nhập tỉnh nhằm tinh giảm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, góp phần giảm chi ngân sách hàng năm, tích lũy, tiết kiệm được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

e) Sau sắp xếp sáp nhập tỉnh, hệ thống các cơ quan chuyên môn tham mưu cấp tỉnh, cấp xã được kiện toàn, cơ cấu lại nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, góp phần phục vụ nhân dân được tốt hơn, công tác đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm chú trọng.

2.2. Một số khó khăn ban đầu

a) Trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sẽ bị dư thừa do nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh. Đồng thời, một số trụ sở hiện có của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đồng Nai chưa đáp ứng được yêu cầu bố trí tập trung tại 01 trụ sở khi tiếp nhận biên chế, nhân sự từ Bình Phước.

b) Cuộc sống của một số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xáo trộn do thay đổi địa điểm công tác, nơi làm việc; đồng thời, cuộc sống của người dân cũng bị xáo trộn trong giai đoạn đầu do thay đổi về địa điểm giao dịch, thay đổi về thủ tục hành chính, thay đổi các loại giấy tờ có liên quan...; cấu trúc, không gian văn hóa làng xã trước đây sẽ có sự thay đổi nhất định ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

3.1. Tác động tích cực

a) Làm cơ sở để tỉnh mới thành lập rà soát, xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể về bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn theo từng giai đoạn, từng vùng; quy hoạch hệ thống các cơ quan, tổ chức, các khu vực để bố trí các chức năng, nhiệm vụ đảm bảo an ninh, quốc phòng; đồng thời, huy động được các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ quan, doanh trại các cấp, các công trình quốc phòng và một số hạng mục công trình mang tính lưỡng dụng, bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhu cầu dân sinh và cơ động lực lượng, phương

tiện khi có tình huống. Đây được xem là cơ sở quan trọng để công tác quốc phòng an ninh của quốc gia nói chung và tỉnh Đồng Nai mới nói riêng tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, từ đó an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố; số lượng, chất lượng của lực lượng công an, quân sự từ tỉnh đến xã, phường, thôn, tổ dân phố được nâng cao; công tác triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn được thực hiện thống nhất dẫn đến phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự được phát triển hơn.

c) Việc đầu tư, xây dựng cho quốc phòng, an ninh sẽ được tập trung hơn sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; việc tập hợp lực lượng để bố trí thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng cũng được tăng cường. Từ đó, đảm bảo các điều kiện để thực hiện việc quản lý về quốc phòng, an ninh, giúp phát huy hiệu quả, tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội.

3.2. Một số khó khăn ban đầu

Sau sáp nhập, tỉnh mới sẽ có vị trí địa lý giáp ranh với các khu vực đang phát triển mạnh nên tiềm ẩn một số vấn đề về an ninh trật tự khó lường, khó nắm bắt” thành “Sau sáp nhập, tỉnh mới sẽ có vị trí địa lý giáp ranh với các khu vực đang phát triển mạnh và tuyến biên giới dài giáp Campuchia nên tiềm ẩn phát sinh nhiều vấn đề phức tạp về an ninh trật tự và phòng ngừa

Sau sáp nhập, tỉnh mới sẽ có vị trí địa lý giáp ranh với các khu vực đang phát triển mạnh và tuyến biên giới dài giáp Campuchia nên tiềm ẩn phát sinh nhiều vấn đề phức tạp về an ninh trật tự và quốc phòng, đối tượng gặp khó khăn; tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội phức tạp hơn phần nào gây khó khăn cho công tác quản lý.

Sau sáp nhập, tỉnh mới sẽ có vị trí địa lý giáp ranh với các khu vực đang phát triển mạnh nên tiềm ẩn một số vấn đề về an ninh trật tự khó lường, khó nắm bắt.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

Sau sáp nhập tỉnh, với cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng công chức phù hợp sẽ nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, góp phần phục vụ nhân dân tốt hơn. Bộ máy hành chính nhà nước mới có thể đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho người dân cũng như thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương.

Sau sáp nhập, Trung tâm hành chính công của tỉnh được kiện toàn, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã được củng cố, sẽ lựa chọn được đội ngũ làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng

thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến được thực hiện đồng bộ hơn dẫn đến việc triển khai dịch vụ được thống nhất.

4.2. Tác động tiêu cực

Sau sáp nhập, trên địa bàn tỉnh dân số đông, dẫn đến nhu cầu chuyển đổi giấy tờ của người dân và doanh nghiệp sẽ tăng lên, khối lượng công việc về thủ tục hành chính, nhu cầu về dịch vụ công sẽ tăng mạnh trong khi số lượng nhân sự có hạn, thời gian đầu sẽ khó đáp ứng ngay nhu cầu của người dân, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ, thủ tục. Bên cạnh đó, phần lớn người dân lớn tuổi chưa tiếp xúc nhiều với các thiết bị công nghệ thông tin, dẫn đến khả năng tiếp cận và sử dụng internet còn thấp, đây là khó khăn, trở ngại khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Việc tinh gọn bộ máy gắn với sáp nhập các đơn vị hành chính, nếu việc ứng dụng công nghệ số trong giải quyết công việc không tốt sẽ dẫn đến tình trạng quá tải, chậm trễ khi giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

1.1. Đối với cơ quan khối Đảng

a) Về tổ chức

Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng đề án trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất tổ chức đảng của 02 tỉnh trước khi sắp xếp, trình Bộ Chính trị xem xét. Việc sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ với sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã, nhiệm kỳ đầu tiên của đảng bộ mới thành lập là nhiệm kỳ 2020 - 2025.

b) Về số lượng cấp ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí thư Tỉnh ủy; số lượng ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Số lượng cấp ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí thư Tỉnh ủy, ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy không vượt quá tổng số lượng hiện có của 02 đảng bộ trước khi sáp nhập, hợp nhất (*trừ các đồng chí không đủ tuổi tái cử, chuyển công tác khác hoặc có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu trước tuổi*) và sẽ thực hiện giảm dần số lượng trong thời gian 5 năm sau sau khi sáp nhập, hợp nhất, đến nhiệm kỳ 2030 - 2035 số lượng thực hiện theo quy định mới của Bộ Chính trị.

1.2. Đối với Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị xã hội, Hội do đảng và nhà nước giao nhiệm vụ

Thực hiện sắp xếp, tinh gọn cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của các đơn vị hành chính cấp tỉnh theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền đảm bảo tinh gọn tổ chức bộ máy, sâu sát cơ sở, địa bàn, chăm lo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân và đoàn viên, hội viên của tổ chức mình.

1.3. Đối với các ban của HĐND tỉnh và cơ quan giúp việc HĐND tỉnh

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

- Tổ chức Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Khóa của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai mới do giữ nguyên tên gọi tỉnh Đồng Nai trước khi sắp xếp sáp nhập 02 tỉnh; do đó, khóa của Hội đồng nhân dân tiếp tục tính theo khóa của tỉnh Đồng Nai (khóa X) theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

b) Tổ chức các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai mới được thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5, Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025. Dự kiến, HĐND tỉnh Đồng Nai mới (nhiệm kỳ 2021-2026) sẽ gồm: Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, các Ban: Pháp chế; Kinh tế - Ngân sách; Văn hóa - Xã hội và Ban Dân tộc.

1.4. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (mới)

a) Ủy ban nhân dân tỉnh

Nhân sự lãnh đạo và cơ cấu của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai mới được kiện toàn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung) và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

b) Các cơ quan chuyên môn, cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Đồng Nai mới được sắp xếp, tổ chức lại trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng các cơ quan đơn vị tại 02 tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc; cụ thể:

- Số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đồng Nai mới dự kiến là 14 cơ quan gồm: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Sở

Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ và cơ quan thuộc UBND tỉnh¹¹.

- Trường hợp 02 cơ quan chuyên môn cùng chức năng, nhiệm vụ thuộc 02 tỉnh có cơ cấu tổ chức bên trong khác nhau thì kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng đảm bảo ổn định cơ cấu tổ chức của 01 đơn vị và thực hiện việc sắp xếp, bố trí nhân sự của 02 đơn vị vào phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm quy định. Trường hợp cần thiết sẽ tiếp tục kiện toàn sau khi đã hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Khuyến khích việc thực hiện tổ chức lại các Chi cục thành Phòng đảm bảo tinh gọn, giảm khâu trung gian theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh có chức năng tương đồng của 02 địa phương thì thực hiện sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất để tinh gọn đầu mối, tránh trùng lặp chức năng, nhiệm vụ.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính

2.1. Về biên chế, số lượng người làm việc

2.1.1. Đối với khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể

Sắp xếp, bố trí số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức Đoàn thể tỉnh Đồng Nai mới thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương, đảm bảo không vượt quá số lượng nhân sự hiện có của các cơ quan, đơn vị trước sắp xếp và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định.

Số lượng biên chế cán bộ, công chức hiện có dự kiến sau sắp xếp: 625 người.

Số lượng biên chế viên chức dự kiến sau sắp xếp: 116 người.

2.1.2. Đối với các ban của HĐND tỉnh và cơ quan giúp việc HĐND tỉnh

Sắp xếp, bố trí số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của của HĐND tỉnh và cơ quan giúp việc HĐND tỉnh tỉnh Đồng Nai mới thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương, đảm bảo không vượt quá số lượng nhân sự hiện có của các cơ quan, đơn vị trước sắp xếp và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định.

Số lượng biên chế cán bộ, công chức dự kiến sau sắp xếp: 73 người.

2.1.3. Đối với khối chính quyền

¹¹ Ban Quản lý các Khu Công nghiệp,...

Thực hiện sắp xếp, bố trí số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của tỉnh Đồng Nai mới thực hiện theo quy định Điều 11 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH, cụ thể:

a) Đối với cấp tỉnh

Đối với biên chế công chức, viên chức, người lao động của các sở, ban ngành; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc các sở, ban ngành tại tỉnh Đồng Nai mới đảm bảo không vượt quá số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hiện có mặt tại các tỉnh Bình Phước, Đồng Nai trước sắp xếp, cụ thể:

- Số lượng biên chế cán bộ, công chức dự kiến sau sắp xếp: 2.142 người.
- Số lượng biên chế viên chức: 12.290 người.

2.2. Đối với bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo Điều 11 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 và điểm 1.1 khoản 1 Mục III Công văn số 03-CV/BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp; cụ thể:

a) Đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý

- Việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp thực hiện theo Kết luận của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Số lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức ở tỉnh Đồng Nai mới tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước trước sắp xếp và thực hiện bố trí theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn, căn cứ điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, Ban Thường vụ, UBND tỉnh xem xét, quyết định lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị mới sau sắp xếp. Đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn không bố trí tiếp tục làm người đứng đầu sau sắp xếp thì được bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức và được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, Ban Thường vụ, UBND tỉnh xem xét, quyết định bố trí làm cấp phó của người đứng đầu đơn vị sau sắp xếp hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan,

tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức.

- Trước mắt số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính cấp tỉnh mới sau sắp xếp có thể cao hơn quy định và giảm dần theo lộ trình bảo đảm thực hiện quy định của Chính phủ.

b) Đối với công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo quy định

Trước mắt giữ nguyên số lượng công chức, viên chức, người lao động hợp đồng hiện có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để sắp xếp, bố trí công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tương ứng hoặc bố trí công tác tại cấp xã. Sau đó, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính

3.1. Phương án thực hiện

- Giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp đảm bảo tiêu chuẩn để sắp xếp, bố trí công tác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính theo lộ trình.

- Hỗ trợ kết nối, tư vấn, giới thiệu việc làm: Thông tin, chỉ đạo các tổng công ty, công ty Nhà nước thuộc phạm vi tỉnh quản lý tăng cường rà soát, xem xét ưu tiên tuyển dụng (nếu có nhu cầu) đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư có đủ trình độ, năng lực và đáp ứng tiêu chí, yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Nghiên cứu, hỗ trợ kết nối, tư vấn, giới thiệu việc làm trong khu vực tư cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không tiếp tục công tác trong hệ thống chính trị tỉnh; hỗ trợ chuyển đổi việc làm, tạo điều kiện sử dụng và khai thác hiệu quả nguồn nhân lực của tỉnh.

3.2. Lộ trình giải quyết

- Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã hiện có mặt giải quyết tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách trong năm 2025.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp dôi dư theo quy định sẽ thực hiện lộ trình giảm đảm bảo sau 05 năm kể từ thời điểm Đề án được thông qua, số lượng cán bộ, công chức, viên chức bố trí đảm bảo theo quy định.

4. Việc tổ chức các cơ quan nhà nước ở Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại

khoản 6 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Thực hiện việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH và Điều 12 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH; cụ thể như sau:

- Rà soát, tạm dừng phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư công.

- Kịp thời cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng công sở, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm khai thác hiệu quả tài sản công hiện có. Nghiên cứu đề bố trí, lựa chọn trụ sở của các cơ quan dự thừa sử dụng làm trụ sở cho các cơ quan chuyên môn hoặc thành điểm trường phục vụ giáo dục.

- Việc xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 7 Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

- Đối với tài sản công dôi dư nếu có, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã rà soát, thống kê, xây dựng phương án tiếp tục bố trí, sử dụng, thực hiện điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác hiện còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức (đối với tài sản còn sử dụng được) hoặc tổ chức thanh lý tài sản (đối với tài sản hư hỏng, không thể sử dụng) theo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, bảo đảm trong vòng 03 năm, kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh sau sắp xếp cam kết hoàn thành việc việc sắp xếp, xử lý tài sản công theo đúng quy định.

- UBND tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm chủ động cân đối, bố trí ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của tỉnh Đồng Nai mới; quan tâm bố trí nhà ở công vụ, phương tiện phục vụ công tác và nhu cầu đi lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị hành chính sau sắp xếp; hướng dẫn, tạo điều kiện để chính quyền địa phương cấp xã sau sắp xếp cân đối ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm

việc, bảo đảm điều kiện làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại đơn vị hành chính cấp xã.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

4.1. Phương án thực hiện

Việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính mới sau sắp xếp thực hiện theo Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15; cụ thể:

- Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mới tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

- Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

- Trường hợp có thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

4.2. Lộ trình thực hiện

Các chế độ, chính sách đặc thù của tỉnh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai tiếp tục triển khai thực hiện theo khu vực đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước trước khi sắp xếp và thực hiện tham mưu HĐND tỉnh Đồng Nai mới ban hành chế độ, chính sách mới chậm nhất trong quý I/2026 để triển khai thực hiện.

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Thực hiện sáp nhập 02 tỉnh đã được xây dựng, thảo luận và thống nhất giữa cấp ủy, chính quyền của 02 tỉnh, cụ thể như sau:

5.1. Công tác thông tin, tuyên truyền

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, đặc biệt là các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị quyết của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân và dư luận xã hội trong thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Bình Phước, các cơ quan, cơ quan báo chí liên quan của 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Từ tháng 4/2025 đến khi hoàn thành nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

5.2. Xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước với tỉnh Đồng Nai để thành lập tỉnh Đồng Nai (mới)

5.2.1. Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc xây dựng Đề án gồm đại diện lãnh đạo 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp của 02 tỉnh: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bình Phước, Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan.

5.2.2. Thu thập tài liệu, hồ sơ liên quan phục vụ xây dựng Đề án

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, cơ quan liên của 02 tỉnh.

5.2.3. Xây dựng phương án giải thể, thành lập các tổ chức đảng cơ sở; sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bình Phước.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 15/5/2025.

5.2.4. Xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng với tỉnh Đồng Nai

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bình Phước, Ban Tổ chức Tỉnh ủy 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước 15/5/2025.

5.2.5. Xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế của các ban và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

- Cơ quan chủ trì: Thường trực HĐND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Thường trực HĐND tỉnh Bình Phước; Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 15/5/2025.

5.2.6. Xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công thuộc UBND tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước; Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 15/5/2025.

5.2.7. Hoàn chỉnh dự thảo Đề án và hồ sơ liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước; Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị 02 tỉnh.

5.2.8. Trình lấy ý kiến Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ, cơ quan liên quan góp ý vào dự thảo Đề án

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh Đồng Nai; Đảng ủy UBND tỉnh Bình Phước cùng thực hiện; Đảng ủy UBND tỉnh Đồng Nai tổng hợp ý kiến.
- Cơ quan phối hợp: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ 02 tỉnh.

5.2.9. Hoàn chỉnh hồ sơ xin ý kiến các cơ quan, đơn vị về dự thảo hồ sơ, Đề án.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai; Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước cùng thực hiện; Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai tổng hợp ý kiến.
- Cơ quan phối hợp: Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Thủ trưởng các cơ quan 02 tỉnh.

5.2.10. Ban hành văn bản chỉ đạo và tổ chức lấy ý kiến cử tri

- Cơ quan chủ trì: UBND tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Bình Phước cùng thực hiện; UBND tỉnh Đồng Nai chủ trì tổng hợp ý kiến.
- Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện, cấp xã của 02 tỉnh.

5.2.11. Trình thông qua HĐND các cấp Đề án sắp xếp, sáp nhập địa giới hành chính tỉnh Bình Phước với tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan chủ trì: UBND tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Bình Phước cùng thực hiện; UBND tỉnh Đồng Nai chủ trì tổng hợp ý kiến.

- Cơ quan phối hợp: HĐND các cấp của 02 tỉnh.

5.2.12. Hoàn thiện hồ sơ, bản đồ, đề án trình Chính phủ

- Cơ quan chủ trì: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh Bình Phước, Sở Nội vụ 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 01/5/2025.

5.3. Rà soát, bố trí phương tiện làm việc của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan, sở ngành; phương án xử lý trụ sở làm việc các cơ quan cấp tỉnh dời từ 02 tỉnh. Tổng hợp, thống kê về công tác tài sản công để tham mưu bàn giao theo quy định; đồng thời đề xuất phương án, bố trí trụ sở và trang thiết bị làm việc cho các sở, ban, ngành sau khi sáp nhập; tổng hợp, thống kê về công tác tài chính của 02 tỉnh để tham mưu bàn giao theo quy định; tham mưu phân bổ tài chính và kinh phí hoạt động, chi trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và công tác an sinh - xã hội, đầu tư xây dựng. Rà soát các khu chung cư, các trụ sở không sử dụng trên địa bàn để tham mưu, bố trí cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Phước (nếu có nhu cầu về nơi ở) đến nhận công tác tại tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai và Sở Xây dựng, Sở Tài chính tỉnh Bình Phước và các cơ quan liên quan.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 15/5/2025.

5.4. Cập nhật, bổ sung hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp

Kịp thời cập nhật, bổ sung hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được thống suốt, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, sở, ngành tỉnh và xã, phường 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Xong trước ngày Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực.

5.5. Cập nhật, điều chỉnh quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo thông suốt

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Xong trước ngày Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực.

5.6. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa tài liệu của các cơ quan, tổ chức trước khi sắp xếp các đơn vị hành chính

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Cấp xã, huyện hoàn thành trước 30/6/2025, cấp tỉnh hoàn thành trước ngày 15/8/2025.

5.7. Chuẩn bị dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 – 2030

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Bình Phước và các cơ quan liên quan.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 30/6/2025.

5.8. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội

5.8.1. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội (kèm theo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính).

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước, cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Sau khi Nghị quyết của Quốc hội về sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai được thông qua.

5.8.2. Thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy. Kết thúc đảng bộ cấp huyện và đảng bộ cấp xã thuộc 02 tỉnh để thành lập đảng bộ phường, xã, đặc khu mới.

- Trách nhiệm thực hiện: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đồng Nai chủ trì; Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bình Phước phối hợp.
- Lộ trình thực hiện: Trước ngày 15/9/2025.

5.8.3. Thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

- Trách nhiệm thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chủ trì; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phối hợp.
- Lộ trình thực hiện: Trước ngày 15/9/2025.

5.8.4. Sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

- Trách nhiệm thực hiện: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai chủ trì; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bình Phước phối hợp.
- Lộ trình thực hiện: Trước ngày 15/9/2025.

5.8.5. Thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

- Trách nhiệm thực hiện: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai chủ trì; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bình Phước phối hợp.

- Lộ trình thực hiện: Trước ngày 15/9/2025.

5.8.6. Tổ chức hội nghị công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai (mới) tổ chức công bố Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (*có kế hoạch và thời gian cụ thể sau*).

- Thời gian thực hiện: Theo hướng dẫn của Trung ương.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Trên cơ sở phối hợp thực hiện xây dựng Đề án sắp xếp giữa 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước; tỉnh Đồng Nai đã hoàn chỉnh Đề án với đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn của Trung ương, kèm theo các phụ lục; kết quả tổ chức lấy ý kiến nhân dân và HĐND các cấp của 02 tỉnh. Do đó, Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai đủ điều kiện về cơ sở pháp lý, thành phần, quy trình xây dựng Đề án.

Tỉnh Đồng Nai kính trình Chính phủ xem xét, quyết định trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết tổ chức thực hiện.

2. Kiến nghị, đề xuất

a) Đề xuất Trung ương xem xét, chấp thuận cho 02 tỉnh được chủ động, cân đối kinh phí, nguồn lực hiện có để giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách bổ sung thêm nguồn sau khi thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để động viên, tạo điều kiện cho các tỉnh trong thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính và tinh giản, tổ chức bộ máy trong thời điểm hiện nay.

b) Hiện nay, với vị trí địa lý và điều kiện giao thông kết nối giữa ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc với các khu vực khác trên địa bàn xã Xuân Tâm cũng như các địa bàn khác trên địa bàn huyện Xuân Lộc không thuận lợi, bị cách ngăn bởi Trường bắn Quốc gia Khu vực 3 cách trung tâm UBND xã Xuân Tâm khoảng 20 km. Do đó, để thuận lợi cho người dân khu vực ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc trong việc đi lại phục vụ đời sống vật chất, tinh thần và liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính liên quan; Ủy ban

nhân dân tỉnh Đồng Nai kính đề xuất nhập toàn bộ diện tích ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc có diện tích tự nhiên 5,5 km² và quy mô dân số 1.504 người vào xã Xuân Tây, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ để thành lập xã Xuân Đông.

c) Đề xuất Trung ương, Chính phủ quan tâm, xem xét chấp thuận, tạo điều kiện cho tỉnh Đồng Nai mới tiếp tục triển khai thêm các dự án hạ tầng giao thông kết nối giữa 02 tỉnh Đồng Nai, Bình Phước để tạo thuận lợi trong việc đi lại cho nhân dân, giao thương hàng hóa giữa 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (bị ngăn cách bởi khu vườn quốc gia Nam Cát tiên) và góp phần tạo điều kiện kết nối, liên kết vùng, tạo được trục liên thông kết nối giữa khu vực Tây Nguyên, biên giới tây nam với hệ thống cảng sân bay quốc tế Long Thành, hệ thống các cảng, cảng biển nước sâu tại tỉnh Đồng Nai thành phố Hồ Chí Minh mới, thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế của các tỉnh trong khu vực nói riêng và của cả nước nói chung.

d) Đề xuất Trung ương, Chính phủ xem xét các cơ chế đặc thù cho tỉnh Đồng Nai về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư, quản lý quy hoạch, đô thị, đất đai, tài nguyên rừng, tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho tỉnh Đồng Nai mới trong việc quản lý, điều hành tỉnh phấn đấu đến năm 2050, Đồng Nai trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, đi đầu trong phát triển công nghiệp công nghệ cao, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thông minh, hiện đại; là trung tâm giao thương quốc tế, du lịch, dịch vụ gắn với các đô thị đẳng cấp quốc tế, nơi tập trung trí thức và nhân tài, lấy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm và hoàn thành mục tiêu phát thải ròng bằng “0”; các lĩnh vực xã hội phát triển hài hòa; người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc theo quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 3/7/2024.

Trên đây là Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước kính trình Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định./. 

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực TU (02 tỉnh);
- Ban Chỉ đạo (02 tỉnh);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (2 tỉnh);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (02 tỉnh);
- Văn phòng Tỉnh ủy (02 tỉnh);
- Sở Nội vụ (02 tỉnh);
- Văn phòng UBND tỉnh (02 tỉnh);
- Lưu: VT, KGVX.

E/Hải-VX/4.2025

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức



Phụ lục 1

**THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

(Kèm theo Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã hiện nay	Số ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo dự thảo Nghị quyết (dự kiến)			Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ so với quy định (%)	Dân số thường trú (người)	Tỷ lệ so với quy định (%)	GRDP	Tổng thu NSNN	GRDP bình quân đầu người		Xã	Phường	Tổng số	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	HIỆN TRẠNG												
	Đồng Nai	5.863,62	117%	3.256.999	233%	501.000.000	62.052.000	148,94	159	40	15	55	
	Bình Phước	6.873,56	137%	1.234.409	88%	115.357.408	11.510.849	108,59	111	32	8	40	BG
II	KẾT QUẢ												
	Đồng Nai	12.737,18	255%	4.491.408	321%				270	72	23	95	



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐVHC CẤP TỈNH SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai)

Stt	Đối tượng	TỔNG CỘNG		Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (Theo Nghị định 178, Nghị định 67,... và các chính sách của địa phương)
		Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (số có mặt)	
I	HIỆN TRẠNG			
1	Tỉnh Đồng Nai			
	Cán bộ	37	35	
	Công chức	1.771	1.595	86
	Viên chức	10.731	8.383	55
2	Tỉnh Bình Phước			
	Cán bộ	38	35	
	Công chức	1.242	1.175	148
	Viên chức	4.375	4.023	87
II	KẾT QUẢ TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)			
	Cán bộ	75	70	
	Công chức	3.013	2.770	234
	Viên chức	15.106	12.406	142



PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG DỰ KIẾN KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH
(Kèm theo Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên tỉnh	Số lượng hiện có	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Dôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
I	HIỆN TRẠNG									
1	Đồng Nai	484	432	47	5	5	47	0	0	0
2	Bình Phước	63	14	49		49				
II	KẾT QUẢ									
	Đồng Nai (mới)	547	446	96	5	54	47	0	0	0